TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-7-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Thuận.

Bà Nguyễn Lan Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019, và thông báo mở lại phiên tòa số 18/2019/TBXX ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C Sinh năm 1983. Vắng mặt tại phiên tòa.

HKTT: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Bùi Quang C Sinh năm 1971. Vắng mặt tại phiên tòa.

HKTT: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú: Tổ 16, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ctrình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Quang C có kết hôn với nhau ngày 23-4-2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh

Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh C mải chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con Chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay anh C đã chuyển về sống với mẹ đẻ tại phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái Chị C và anh C đã sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Quang C

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Quang C có một con chung là cháu Bùi Huyền T, sinh ngày 25-12-2002. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Quang C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày yêu cầu của mình và không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị C để gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Quang C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt) và anh Bùi Quang C đã được Tòa án triệu tập hợp hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Quang C kết hôn với nhau ngày 23-4-2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh C mải chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị C và anh C đã tự hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Hiện nay, anh C đã chuyển về sống cùng mẹ đẻ tại phường Đ, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, hai người sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị

đoàn tụ nhưng anh C không có mặt, chị C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị được ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được, anh C cũng không có phương pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị C cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Chị C và anh C có một con chung là cháu Bùi Huyền T, sinh ngày 25-12-2002. Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, chị C có nguyện vong được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu T đang sống ổn định với chị C và theo nguyện vọng của cháu T được ở với mẹ nên giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cphải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cđược ly hôn anh Bùi Quang C

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Huyền T, sinh ngày 25-12-2002 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn ThịC phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004905 ngày 27-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Quang Ckhông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án sử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS, THA thành phố Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ;
- Lưu: HS; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THÂM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Quang Trung